

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lưu Xa - Giáo viên

Ông Nguyễn Mạnh Hà - Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thuỳ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST - HS ngày 11/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST - HS ngày 28/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Gia H, sinh ngày 06/3/2006 tại xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Hoè Lâm, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1971 và bà Hà Thị H (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2024 đến ngày 26/3/2024; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn H1, sinh ngày 29/8/2007 tại xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Tên gọi khác: không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Hoè Lâm, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/5/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo pháp luật của bị cáo H1: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1982 (Ông H có mặt, bà L vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H1:** Bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt)

*** Bị hại:** - Trường mầm non X

Trụ sở: Xã X, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dư Thị H - Hiệu trưởng (vắng mặt)

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở N
Trụ sở: Xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang K - Hiệu trưởng (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Dư Văn T, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã X, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

- Anh Trần H N, sinh năm 2008 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần H Tín, sinh năm 1985

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

- Chị Lê Thị N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Gia H, sinh ngày 06/3/2006, Phạm Văn H1, sinh ngày 29/8/2007 (tính đến thời điểm phạm tội H1 được 16 tuổi 6 tháng 22 ngày tuổi) và Trần H N, sinh ngày 28/5/2008 (tính đến thời điểm phạm tội H1 được 15 tuổi 9 tháng 23 ngày tuổi đều đã bỏ học, không có nghề nghiệp ổn định và là bạn bè quen biết với nhau.

Khoảng 21 giờ ngày 19/3/2024, H, H1, N đang ngồi chơi ở đầu làng thôn H, xã N, thị xã M; H rủ H1 và N đi xem có ai sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu sài, H1 và N đều đồng ý. Sau đó, H về nhà mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, sơn màu đỏ đen, biển số đăng ký 99B1 - 036.50 của ông Trần Văn T (là bố đẻ của H) rồi đưa xe cho N điều khiển chở H và H1 đi trộm cắp tài sản. Trên đường đi, cả ba thống nhất với nhau sẽ đến trường tiểu học và trung học cơ sở N ở thôn H, xã N xem có tài sản gì sơ hở sẽ trộm cắp. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nơi, quan sát thấy hàng rào sắt của trường có vẻ lỏng lẻo nên H, H1 và N đã cùng nhau dùng tay lay, đẩy 03 tấm hàng rào kim loại cho bung hết các mối gắn vào tường nhưng vẫn để nguyên vị trí tấm hàng rào trên tường. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở H và H1 đến nhà ông Dư Văn T, là chủ cửa hàng thu mua sắt vụn 24/24 giờ. Khi tới nơi, H hỏi ông T “ông có mua sắt không? Nhà cháu mới xây nhà, làm lại cổng nên có mấy tấm hàng rào sắt cũ muốn bán sắt vụn”; ông T đồng ý mua và hỏi “sao lại bán muộn thế?” thì H trả lời “do mấy tấm hàng rào nặng, nhà không có xe để chở nên chưa bán được, biết ông có xe bò và tiện đi qua, nếu ông mua thì cho cháu mượn xe bò, cháu chở bán cho ông luôn”. Ông T đồng ý nên H đẩy xe bò ra chỗ H1 và N đang đợi rồi buộc xe bò vào sau xe mô tô. N điều khiển xe mô tô chở H và H1 quay lại trường tiểu học và trung học cơ sở N. Tại đây, cả ba cùng nhau bê 03 tấm hàng rào kim loại để lên xe bò rồi N điều khiển xe mô tô chở H1 phía sau, kéo theo xe bò có H ngồi giữ 03 tấm hàng rào sắt đến nhà ông T. Đến nơi, ông T cân 03 tấm hàng rào kim loại được 237kg và trả giá 6.800 đồng/kg rồi đưa cho H 1.610.000 đồng, H nhận

tiền xong, trả lại xe bò cho ông T rồi lên xe mô tô cùng với H1 để N chở đi. Trên đường đi, H1 rủ H và N đến trường mầm non X ở thôn Xuân Nhân, xã X, thị xã M, tỉnh Hưng Yên để trộm cắp tài sản, H và N đều đồng ý. Khoảng 02 đến 03 giờ sáng ngày 20/3/2024, khi đến trường mầm non X, N đứng đợi ở ngoài để canh giới; H, H1 trèo tường vào bên trong trường, quan sát thấy có phòng đầu dãy ở tầng 1 không khóa cửa nên cả hai mở cửa đi vào, thấy trên bàn có bộ máy tính để bàn nên cả hai cùng nhau tháo bộ máy tính ra. Sau đó, H bê màn hình, chuột và bàn phím máy tính còn H1 bê cây máy tính và 01 chiếc loa đưa qua tường cho N ở bên ngoài. Tiếp đó, H1 và H trèo tường ra ngoài rồi cả hai ôm bộ máy tính để bàn và chiếc loa lên xe mô tô để N chở đi về nhà H, cả ba thống nhất sẽ cất giấu ở nhà H rồi sau này sẽ bán lấy tiền tiêu sài. Khi về đến nhà H, N đứng đợi ở ngoài cổng còn H và H1 bê bộ máy tính để bàn và chiếc loa vào phòng bếp nhà H để cất giấu. Sau đó, N điều khiển chở H và H1 đến một quán ăn ở thị trấn Kê Sặt, Hện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để ăn uống hết 110.000 đồng. H lấy từ số tiền bán 03 tấm hàng rào kim loại được 1.610.000 đồng ra trả, còn lại 1.500.000 đồng H chia cho mỗi người 500.000 đồng rồi tất cả đi về nhà của mình. Sáng ngày 20/3/2024, phát hiện nhà trường bị mất tài sản, bà Dư Thị H, là Hiệu trưởng trường mầm non X và ông Đặng Quang K là Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở N có đơn trình báo gửi đến Công an thị xã M. Chiều ngày 20/3/2024, Trần Gia H, Phạm Văn H1 và Trần H N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đầu thú, giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M gồm: Trần Gia H giao nộp 01 bộ máy tính để bàn gồm 01 màn hình máy tính, 01 cây máy tính, 01 bàn phím có dây và 01 chuột máy tính dây USB (tất cả đều màu đen); 01 loa hình hộp dạng khung vòm cung bọc nỉ màu đen, trên loa có chữ Crown và số tiền 500.000 đồng; Phạm Văn H1 và Trần H N đều giao nộp số tiền 500.000 đồng. Cùng ngày, ông Trần Văn T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, sơn màu đỏ đen, biển số đăng ký 99B1-036.50 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M quản lý. Đối với 03 tấm hàng rào kim loại, ông T đã mua của H, H1 và N, sáng ngày 20/3/2024, ông T đã bán cho chị Lê Thị N với giá 1.770.000 đồng. Cùng ngày, chị N đã tự nguyện giao nộp 03 tấm hàng rào bằng kim loại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M quản lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thị xã M, kết luận:

- 03 tấm kim loại đều được hàn bằng các đoạn kim loại đặc có tiết diện vuông, kích thước (1,3x1,3)cm, trên đầu có gắn các họa tiết nhọn, được làm từ năm 2019 và sử dụng đến nay, có kích thước và khối lượng như sau: 01 tấm có kích thước (2,55x1,54)m, khối lượng 78kg; 01 tấm có kích thước (2,68 x 1,54)m, khối lượng 84kg; 01 tấm có kích thước (2,55x1,54)m, khối lượng 77kg. *Tổng 03 tấm kim loại nặng 239kg, có giá trị tại thời điểm 20/3/2024 là: 2.300.000 đồng.*

- 01 (một) bộ máy tính để bàn gồm: 01 màn hình máy tính màu đen, loại 21 inch, mặt sau dán mác CMS VA2215-H-VN1, số loại VF8811, số seri WUV230900723; 01 cây máy tính màu đen, chip G6405, bộ nhớ ram 4g, ổ cứng

SSD: 240G, nguồn 250W; 01 bàn phím có dây màu đen, trên bàn phím có dán tem chữ CMS, số loại KU-0325, số seri 2197018304551E; 01 chuột có dây màu đen, dán tem chữ CMS (Đều được mua mới năm 2023, chưa thay thế, sửa chữa gì). *Giá trị tài sản tại thời điểm 20/3/2024 là 10.200.000 đồng.*

- 01 (một) loa hình hộp dạng khung vòm, bọc nỉ màu đen, trên loa có chữ CROWN, CR-2019 AC110-240V, mua mới năm 2019, chưa thay thế, sửa chữa gì. *Giá trị tài sản tại thời điểm 20/3/2024 là 100.000 đồng.*

Ngày 20/3/2024, Trần Gia H đã tự nguyện trả lại cho ông T số tiền 110.000 đồng và không yêu cầu H1 và N phải hoàn trả.

Quá trình điều tra xác định ông Dư Văn T khi mua 03 tấm hàng rào kim loại, ông T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với ông T. Số tiền 1.610.000 đồng mà ông T bỏ ra để mua 03 tấm hàng rào kim loại, ông T đã được H trả lại số tiền 110.000 đồng, còn số tiền 1.500.000 đồng hiện do cơ quan điều tra quản lý, ông T đề nghị được nhận lại. Đối với chị Lê Thị N, quá trình điều tra xác định khi mua 03 tấm hàng rào kim loại của ông T, chị N không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với chị N. Số tiền 1.770.000 đồng mà chị N đã trả cho ông T để mua 03 tấm hàng rào sắt, ông T đã trả lại cho chị N nên chị N không có đề nghị gì. Đối với 03 tấm hàng rào kim loại, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của trường tiểu học và Trung học cơ sở xã N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đã trả lại tài sản cho ông Đặng Quang K là Hiệu trưởng nhà trường, ông K đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì. Đối với bộ máy tính để bàn gồm: 01 cây máy tính, 01 màn hình máy tính, 01 chuột máy tính, 01 bàn phím máy tính và 01 chiếc loa, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của trường mầm non xã X. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đã trả lại tài sản cho bà Dư Thị H là Hiệu trưởng nhà trường, bà H đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airbale, sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 99B1-03650, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Trần Văn T, ông T không biết H mượn xe để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đã trả lại tài sản cho anh T, anh T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Quá trình điều tra, Trần Gia H và Phạm Văn H1 và Trần H N đã T khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời nhận tội của các bị cáo H, H1 phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT - VKSMH ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên đã truy tố H, H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo T khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Gia H. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91;

Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Gia H, Phạm Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù được trừ 06 ngày tạm giữ; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo H1 từ 11 tháng đến 01 năm 02 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 10 tháng tháng đến 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Trả lại ông Dư Văn T số tiền 1.500.000 đồng theo uỷ nhiệm chi ngày 19/6/2024.

Người bào chữa cho bị cáo H1 có ý kiến bào chữa: Người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M áp dụng cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H mức án thấp nhất.

Các bị cáo nghe rõ, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M; ông H nhất trí với bản luận của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M; ông H và bị cáo H1 nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo H1. Ông H không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo H1 được H mức án thấp nhất. Các bị cáo không tranh luận và đều đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được H mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thị xã M và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản kiểm tra; kết luận định giá tài sản cùng các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 19/3/2024, tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở N ở thôn H, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; H, H1 và N đã trộm cắp của nhà trường 03 tấm hàng rào bằng kim loại, tổng giá trị là 2.300.000 đồng. Vào khoảng từ 02 giờ đến 03 giờ sáng ngày 20/3/2024 tại trường mầm non X ở thôn Xuân Nhân, xã X, thị xã M; H, H1 và N đã trộm cắp của nhà trường 01 bộ máy tính để bàn giá trị 10.200.000 đồng và 01 chiếc loa

giá trị 100.000 đồng. Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo H, H1 có giá trị dưới 50.000.000 đồng đã thỏa mãn đầy đủ yếu tố cấu T tội Trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Các bị cáo H, H1 có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vụ án có đồng phạm tham gia; bị cáo H giữ vai trò chính, bị cáo khởi xướng, chủ mưu rủ H1 và N đi trộm cắp tài sản, trực tiếp trộm cắp các tài sản; bị cáo H1 giữ vai trò giúp sức tích cực, trực tiếp cùng H trộm cắp tài sản, là người rủ rê H, N trong việc trộm cắp tài sản tại Trường mầm non X; đối tượng N giữ vai trò giúp sức cùng H, H1 trộm cắp tài sản là 03 tấm hàng rào kim loại cũng như đứng ngoài canh giới cho H, H1 trộm cắp bộ máy tính, loa là tài sản của Trường mầm non X. Nên hình phạt đối với bị cáo H phải cao hơn bị cáo H1. Hành vi phạm tội của các bị cáo H, H1 trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các cơ sở giáo dục được pháp luật bảo vệ, gây hoang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo H, H1 để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với Trần H N thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên Công an thị xã M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên là đúng quy định.

Đối với việc ông Dư Văn T khi mua 03 tấm hàng rào kim loại của H, H1, N; chị Lê Thị N mua lại 03 tấm hàng rào kim loại của ông T, chị N, ông T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với chị N, ông T.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với các bị cáo:

Bị cáo H thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần bị cáo trộm cắp đều đủ yếu tố cấu T tội phạm và xúi giục người dưới 18 tuổi là bị cáo H1 và N nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần bị cáo trộm cắp đều đủ yếu tố cấu T tội phạm nên bị cáo H1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục hậu quả cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tỏ ra ăn năn hối hận và T khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo đều ra đầu thú; bị cáo H1 có ông nội được tặng tH huân chương kháng chiến hạng nhì, gia đình bị cáo H1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1 được địa phương xác nhận, đại diện theo pháp luật của Trường mầm non X và Trường Tiểu học và Trung học cơ sở N đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1 nên các bị cáo H, H1 đều

được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo H mặc dù có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự tuy nhiên bị cáo là người khởi xướng để bị cáo H1 và N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Trường tiểu học và Trung học cơ sở N. Bị cáo H1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, khi H rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản bị cáo cũng đồng tình, cùng bị cáo H1 và N thực hiện hành vi trộm cắp và là người rủ H1 và N đi trộm tài sản tại Trường mầm non X. Bị cáo H khi phạm tội đã đủ 18 tuổi, bị cáo H1 tính tới thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định và tuyên phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp với đề xuất của Viện kiểm sát tại phiên tòa mới có tác dụng, cải tạo giáo dục bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội; thời gian bị cáo bị tạm giữ sẽ được trừ vào thời gian tù khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đối với bị cáo H1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế và có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự về xử lý người chưa T niên phạm tội, xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H1 là người chưa T niên, các bị cáo đều làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với các tài sản H, H1, N trộm cắp của Trường mầm non X và Trường tiểu học và trung học cơ sở N đã thu hồi và trả lại cho đại diện theo pháp luật của nhà trường; đại diện theo pháp luật của nhà trường đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra để xét.

Đối với chị N mua tài sản của ông T nhưng không biết là tài sản phạm tội nên không có căn cứ xử lý chị N; ông T đã hoàn trả cho chị N 1.770.000 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra để xét. Đối với số tiền 110.000 đồng là tiền do bán tài sản trộm cắp cho ông T mà có. H tự nguyện trả ông T không yêu cầu H1, N phải trả lại cho bị cáo, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo H; ông T nhận đủ số tiền và không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra để xét. Đối với số tiền 1.500.000 đồng H, H1, N nộp lại trong quá trình điều tra; đây là tiền các bị cáo do bán tài sản trộm cắp cho ông T mà có; ông T khi mua tài sản không biết là tài sản phạm tội và đề nghị nhận lại tiền nên sẽ trả lại cho ông T số tiền trên.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 99B1 - 03650 là tài sản hợp pháp của ông T, ông T không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã M trả lại cho ông T là đúng quy định.

[6]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Gia H.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H1.

Tuyên bố bị cáo Trần Gia H, bị cáo Phạm Văn H1 đều phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần Gia H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ; bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 24 (hai mươi tư) ngày tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 11 (mười một) tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 10 (mười) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H1.

Xử lý vi phạm đối với người được H án treo: Trong thời gian thử thách, nếu người được H án treo đã bị kiểm điểm theo qui định tại Điều 91 của Luật thi hành án hình sự nhưng sau khi kiểm điểm vẫn tiếp tục vi phạm và đã được nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn cố ý vi phạm; thì Công an cấp xã, phường, thị trấn đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp Hện, thị xã, T phố tiến hành trình tự, thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho H án treo.

Trường hợp bị cáo được H án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại ông Dư Văn T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

(Số tiền 1.500.000 đồng theo phiếu Ủy nhiệm chi ngày 19/6/2024).

Về án phí: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Gia H, Phạm Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự. Đối với bị cáo H1 do người đại diện theo pháp luật của bị cáo là ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị L nộp thay cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị cáo H1, người bào chữa cho bị cáo H1, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa H thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND, Công an, Chi cục THADS thị xã M;
- Các bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị cáo H1; đại diện theo pháp luật của bị hại, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo H1;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ OANH

